

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮKNÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 13/4/2021

“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24/4/2020 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST, ngày 25/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Văn P, sinh năm 1974; Địa chỉ: thôn TN, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có mặt)

- *Bị đơn:* bà Phan Thị Bích K, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn TN, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:* ông Trần Văn P và bà Phan Thị Bích K lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2000 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của ông, bà hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã có với nhau 03 người con chung là cháu Trần Hoài N, sinh ngày 16/9/2000, cháu Trần Hoài G, sinh ngày 11/4/2002 (cháu G đã chết) và Trần Hoài A, sinh ngày 28/3/2014. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã, luôn bất đồng trong quản lý kinh tế của gia đình, dần dần vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay không ai quan tâm đến ai, thực sự ông thấy mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy ông Trần Văn P đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị Bích K.

Về con chung: đối với cháu Trần Hoài N, sinh ngày 16/9/2000 đã đủ tuổi trưởng thành, cháu Trần Hoài G, sinh ngày 11/4/2002 đã chết nên không yêu cầu. Đối với cháu Trần Hoài A, sinh ngày 28/3/2014 do còn nhỏ nên ông Trần Văn P xin nuôi cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Phan Thị Bích K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Ngày 28/12/2020 Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng do ông Trần Văn P yêu cầu, đến ngày 24/3/2021 ông Trần Văn P có đơn xin rút yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết vì hai vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau.

- Đối với bị đơn bà Phan Thị Bích K trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay: Về quan hệ hôn nhân, con chung bà đồng ý với trình bày của ông Trần Văn P. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống vợ chồng bà cho rằng có xảy ra những xung đột mâu thuẫn, tuy nhiên đó là những mâu thuẫn nhỏ nhất thường ngày không đến mức vợ chồng phải ly hôn, do đó với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P bà Phan Thị Bích K không đồng ý ly hôn, mặc dù bà Phan Thị Bích K cũng thừa nhận đến tại thời điểm này bà cũng không còn tình cảm, không còn yêu thương gì đối với ông Trần Văn P.

Về con chung: Nếu vợ chồng ly hôn bà Phan Thị Bích K xin được nuôi dưỡng cháu Trần Hoài A, sinh ngày 28/3/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu ông Trần Văn P cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Ngày 08/6/2020 Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng do bà Phan Thị Bích K là nguyên đơn, đến ngày 11/12/2020 bà Phan Thị Bích K có đơn xin rút yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P; Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn P được ly hôn với bà Phan Thị Bích K; Về con chung: các cháu Trần Hoài N, sinh ngày 16/9/2000 (đã trưởng thành), cháu Trần Hoài G, sinh ngày 11/4/2002 (đã chết), đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Giao cháu Trần Hoài A,

sinh ngày 28/3/2014 cho bà Phan Thị Bích K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; buộc ông Trần Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoài A với số tiền 745.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và công nợ: Do các đương sự đã rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết, trả lại tiền tạm ứng án phí cho các đương sự; Về án phí: ông Trần Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Trần Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Phan Thị Bích K, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phan Thị Bích K có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại thôn TN, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn P và bà Phan Thị Bích K lấy nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là Trần Hoài N, sinh ngày 16/9/2000, cháu Trần Hoài G, sinh ngày 11/4/2002 (đã chết) và Trần Hoài A, sinh ngày 28/3/2014. Trong cuộc sống vợ chồng giữa ông Trần Văn P và bà Phan Thị Bích K đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không quan tâm chăm sóc nhau; Cuộc sống chung không còn duy trì cả hai đã thừa nhận sống ly thân với nhau hơn một năm nay, không còn tình cảm yêu thương nhau. Xét thấy, ông Trần Văn P và bà Phan Thị Bích K cũng đã có thời gian sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng là trầm trọng. Hôn nhân của ông bà thật sự không đạt được mục đích. Vì vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử xác định, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Văn P và giải quyết ông Trần Văn P được ly hôn với bà Phan Thị Bích K.

2.2 Về nuôi con chung: Xét thấy hiện cháu Trần Hoài A, sinh ngày 28/3/2014 đang sống cùng bà Phan Thị Bích K, bên cạnh đó cháu Trần Hoài A cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, do đó cần tiếp tục giao cho bà Phan Thị Bích K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Bích K yêu cầu ông Trần Văn P phải đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, ông Trần Văn P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Do các đương sự không thống nhất được với nhau mức cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc ông Trần Văn P phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con với mức 745.000 đồng/tháng để nuôi cháu Trần Hoài A mới phù hợp.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Ngày 08/6/2020 Tòa án thụ lý yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, do bà Phan Thị Bích K là nguyên đơn và ông Trần Văn P là bị đơn bằng vụ án thụ lý số 137/2020/TLST-DS; Ngày 02/7/2020 xét thấy việc nhập và giải quyết trong cùng một vụ án bảo đảm đúng quy định của pháp luật nên TAND huyện Đắk Mil đã có Quyết định số 01/2020/HN-NVA Nhập vụ án thụ lý số 37/2020/TLST-DS, ngày 24/4/2020 và vụ án thụ lý số 137/2020/TLST-DS, ngày 08/6/2020 thành vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2020/TLST-DS, ngày 24/4/2020 về việc “Xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn”. Tuy nhiên đến ngày 11/12/2020 bà Phan Thị Bích K có đơn xin rút yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ngày 28/12/2020 Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng do ông Trần Văn P yêu cầu, đến ngày 24/3/2021 ông Trần Văn P có đơn xin rút yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết vì hai vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau.

Do Nguyên đơn; Bị đơn có đơn xin rút đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của ông Trần Văn P và bà Phan Thị Bích K, trả lại tiền tạm ứng án phí cho các đương sự. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản sau ly hôn theo thủ tục chung.

3. Về án phí: ông Trần Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn P về việc xin ly hôn với bà Phan Thị Bích K.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn P được ly hôn với bà Phan Thị Bích K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Hoài A, sinh ngày 28/3/2014 cho bà Phan Thị Bích K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Trần Văn P được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, bà Phan Thị Bích K không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn P phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hoài A với số tiền là 745.000 đồng/tháng.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của ông Trần Văn P và bà Phan Thị Bích K, trả lại tiền tạm ứng án phí cho các đương sự. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản sau ly hôn theo thủ tục chung.

5. Về án phí: Ông Trần Văn P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001991, ngày 22/4/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M và số tiền 15.020.000 đồng (*Mười lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0003833, ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M. Trả lại cho ông Trần Văn P số tiền 14.720.000 đồng (*Mười bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Phan Thị Bích K số tiền 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002068, ngày 03/6/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã T, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

